TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/HSST
Ngày: 26/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao và ông Mai Xuân Đừng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 151/2019/HSST, ngày 10 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2019/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Tấn T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29 tháng 4 năm 1992; Tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T, sinh năm: 1966; Con bà: Phan Thị H, sinh năm: 1968; Hiện trú tại: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án; Ngày 24/8/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 15 tháng tù, về tội: Cướp giật tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số 207/2016/HSST. Ngày 03/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 29/3/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 09 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản dưới 2.000.000 đồng), theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, tại Bản án số 82/2018/HSST. Ngày 08/10/2018 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo hiện đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2019, cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Ông Trịnh Đình M – Sinh năm: 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Liên gia 3 B, tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Tô Tấn Q – Sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 33A tỉnh lộ 5, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Trần Thị Nghĩa C – Sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 875 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Bùi Văn T – Sinh năm: 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 207 đường D, tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Bùi Thị Mỹ H – Sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 207 đường D, tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Tấn T là đối tượng nghiện chất ma túy và đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích. Do cần tiền tiêu xài và sử dụng chất ma túy nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Vào khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 22/3/2019, T đi bộ một mình trên đường D, phường T, thành phố B, tìm kiếm tài sản của người dân để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến trước số nhà 280 đường D, phường T, thành phố B, T phát hiện thấy 01 chiếc xe gắn máy, biển số: 47FA-4704 của ông Trịnh Đình M, dựng ở lề đường, không có người trông coi. T lén lút đi đến dắt chiếc xe gắn máy đi khoảng 10m rồi ngồi lên xe nổ máy, điều khiển xe tẩu thoát đến khu vực Km3, thành phố B. Tại đây, T gặp một thanh niên tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) và nhờ T tìm chỗ gửi giùm chiếc xe gắn máy trên. T điều khiển xe gắn máy biển số 47FA-4704, chở T đến tiệm sửa xe Thuận T, địa chỉ: 33A tỉnh lộ 5, xã C, thành phố B và gửi chiếc xe cho anh Tô Tân Q (là chủ tiệm sửa xe). Sau đó, T1 lấy xe mô tô của T (không rõ biển số xe), sửa tại tiệm sửa xe Thuận T trước đó, chở T đến khu vực Km3, thành phố B, T xuống xe còn T1 điều khiển xe đi đâu không rõ. Đến khoảng 17 giờ, ngày 23/3/2019, T một mình đi đến tiệm sửa xe Thuận T, gặp anh Q lấy lại chiếc xe gắn máy biển số: 47FA-4704 rồi mang xe đến bán cho chị Trần Thị Nghĩa C (sinh năm: 1982, trú tại: 875 đường H, phường T, thành phố B), được số tiền 400.000 đồng. Số tiền có được, T sử dụng mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc xe gắn máy biển số 47FA-4704 của T, chị C đã tháo rời từng bộ phận của xe mục đích để bán phế liệu. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe gắn máy biển số 47FA-4704 nhưng đã tháo rời từng bộ phận, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 84/KLĐG ngày 12/4/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 xe gắn máy

nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, biển số: 47FA-4704, số máy: 3258738, số khung: 3258883; trị giá: 1.200.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, biển số 47FA-4704, số máy 3258738, số khung 3258883, đã bị tháo rời từng bộ phận là tài sản của ông Trịnh Đình M. Ngày 17/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông Trịnh Đình M, nhận quản lý sử dụng.

Quá trình điều tra, ông Trình Đình M không yêu cầu bị cáo Phạm Tấn T phải bồi thường thiệt hại chi phí lắp ráp lại xe gắn máy biển số: 47FA-4704; chị Trần Thị Nghĩa C không yêu cầu bị cáo Phạm Tấn T, phải bồi thường số tiền: 400.000 đồng (số tiền chị C mua xe gắn máy biển số 47FA-4704).

Tại bản cáo trạng số: 173/CT-VKS BMT ngày 10/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã truy tố bị cáo Phạm Tấn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Tấn T theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Tấn T mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả cho ông Trịnh Đình M 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, biển số 47FA-4704, số máy 3258738, số khung 3258883, đã bị tháo rời từng bộ phận là tài sản của ông Trịnh Đình M, nhận quản lý sử dụng.

Chấp nhận ông Trịnh Đình M không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại chi phí lắp ráp lại xe gắn máy biển 47FA-4704; Chị Trần Thị Nghĩa C không yêu cầu bị cáo Phạm Tấn T, phải bồi thường số tiền: 400.000 đồng (số tiền chị C mua xe gắn máy biển số 47FA-4704).

Đề nghị truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng của bị cáo T có được do bán chiếc xe gắn máy trộm cắp được biển số 47FA-4704.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kết quả tranh luận và lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Phạm Tấn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a)……;

*b) **Đã bị kết án về tội này** hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Bị cáo đã có 02 tiền án nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện bị cáo là người xem thường pháp luật và xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật với bản chất lười biếng lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài, nên vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 22/3/2019, tại trước số nhà 280 đường D, phường T, thành phố B, Phạm Tấn T đã lén lút trộm cắp: 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, biển số: 47FA-4704 của ông Trịnh Đình M, thì bị phát hiện xử lý. Trị giá tài sản bị cáo trộm cắp là: 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng). Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

[2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu đã có 02 tiền án nhưng chưa được xóa án tích. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã tịch thu trả cho người bị hại. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

[3] Về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình xét xử, tại phiên tòa bị cáo cũng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với anh Tô Tấn Q, là người nhận giữ chiếc xe gắn máy biển số: 47FA-4707 của đối tượng T1; chị Trần Thị Nghĩa C, là người mua chiếc xe gắn máy của bị cáo T. Nhưng anh Q và chị C không biết tài sản là do bị cáo Phạm Tấn T trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với người thanh niên tên T1, là người được bị cáo Phạm Tấn T nhờ đi gửi chiếc xe gắn máy biển số: 47FA-4704 và người bán ma túy cho bị cáo T, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

thành phố Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Tấn T, ngày 23/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma tuý, mức phạt: Cảnh cáo, là phù hợp.

Từ những nhận định nêu trên với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo là phù hợp. Cần chấp nhận.

[5] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

- *Về xử lý vật chứng*:

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả cho ông Trịnh Đình M 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, biển số 47FA-4704, số máy 3258738, số khung 3258883, đã bị tháo rời từng bộ phận là tài sản của ông Trịnh Đình M, nhận quản lý sử dụng.

Chấp nhận ông Trịnh Đình M không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại chi phí lắp ráp lại xe gắn máy biển 47FA-4704.

Chấp nhận chị Trần Thị Nghĩa C không yêu cầu bị cáo Phạm Tấn T, phải bồi thường số tiền: 400.000 đồng (số tiền chị C mua xe gắn máy biển số 47FA-4704).

Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng của bị cáo T có được do bán chiếc xe gắn máy trộm cắp được biển số 47FA-4704.

Do vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phần xử lý vật chứng là có căn cứ. Cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tấn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Tấn T 12 (mười hai) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 26/3/2019.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

- *Về xử lý vật chứng*:

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả cho ông Trịnh Đình M 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, biển số 47FA-4704, số máy 3258738, số khung 3258883, đã bị tháo rời từng bộ phận là tài sản của ông Trịnh Đình M, nhận quản lý sử dụng.

Chấp nhận ông Trịnh Đình M không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại chi phí lắp ráp lại xe gắn máy biển 47FA-4704.

Chấp nhận chị Trần Thị Nghĩa C không yêu cầu bị cáo Phạm Tấn T, phải bồi thường số tiền: 400.000 đồng (số tiền chị C mua xe gắn máy biển số 47FA-4704).

Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng của bị cáo T có được do bán chiếc xe gắn máy trộm cắp được biển số 47FA-4704.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Tấn T phải chịu 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp.Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ kiểm tra 1;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

σ